

ẢNH HƯỞNG CỦA KIẾN TRÚC HY LẠP – RÔMA CỔ ĐẠI ĐẾN KIẾN TRÚC TÂY ÂU TRUNG ĐẠI

Ths. Bùi Thị Ánh Vân
Đại học Nội Vụ Hà Nội

Kiến trúc Tây Âu trung đại, đặc biệt trong giai đoạn Phục Hưng đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi kiến trúc Hy Lạp – Rôma cổ đại. Các nghiên cứu về nghệ thuật kiến trúc cho rằng, không thể đưa ra một công thức bất di bất dịch cho những ảnh hưởng đó, mà chỉ có thể xét nó trên những khía cạnh khác nhau của kiến trúc với tư cách là một loại hình nghệ thuật. Ảnh hưởng cơ bản nhất của kiến trúc Hy Lạp – Rôma cổ đại đối với các công trình của Tây Âu thời trung đại là thức cột, các kiểu kết cấu vòm, bệ nhà và trang trí tường nhà.

I. Thức cột

1. Sử dụng thức cột trong công trình

Theo M.Ooclôva, *thức cột (order)* là “hệ thống tỷ lệ và trang trí cột”¹. Còn Ngô Huy Quỳnh trong *Hình thức kiến trúc cổ điển thế giới* thì cho rằng: “Thức cột là tương quan thẩm mỹ giữa cột, bệ cột và dầm xếp đặt theo một trật tự nhịp nhàng, sự liên kết nội tại giữa các bộ phận kiến trúc đó và những chi tiết của các bộ phận kiến trúc

đó”². Trước khi có thức cột đá xuất hiện, người ta sử dụng cột gỗ trong các công trình kiến trúc. Mỗi loại thức cột có hệ thống kích thước, tỉ lệ, trang trí và mang hình thức riêng.

Thời cổ đại, các công trình kiến trúc Hy Lạp – Rôma sử dụng phổ biến các thức cột Đôrich, Iônich, Côranh. Thức cột Đôrich ra đời sớm nhất (thế kỷ VII TCN), do người Đôla sáng tạo ra, sau đó phát triển mạnh ở Pêlôpônêdơ, Nam Italia và Xixin... Loại thức cột này có 20 gờ sống đứng, toát lên vẻ mạnh mẽ, nghiêm túc và suy tư. Sử dụng kiểu cột Đôrich, đền đài Hy Lạp đã có một bố cục đơn giản với hình dáng trầm tĩnh và vững chắc. Khác với Đôrich, thức Iônich, có vẻ ngoài mảnh dẻ, nhiều tính trang trí hơn, mang dáng dấp thanh thoát và kiêu hãnh. Thân cột Iônich có 24 gờ sống đứng, có đế cột và đầu cột hình đệm nhỏ trên có hình xoắn ốc loe ra rồi cuộn vào trông rất lịch lãm. Các tấm ngang có ba dải và băng ngang trang trí. Phía trên là những tấm phù điêu. Thức Iônich phù hợp hơn với đền đài qui mô

¹ M.Ooclôva, 1964, *Nhà họa sĩ và kỹ họa Phlôrăngxơ*, trích theo *Tìm hiểu mỹ thuật cổ đại, trung cổ, phục hưng*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 68.

² Ngô Huy Quỳnh, 1997, *Hình thức kiến trúc cổ điển thế giới*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.3.

vừa và nhỏ. Thức cột Côranh ra đời muộn hơn hai thức cột trên, với đường nét mảnh mai, giàu trang trí, đầu cột rất hoa lệ như một lẵng hoa kết bằng những tầng lá phiến thảo diệp (acanthé). Trong khi cột Iônich chỉ nhìn thấy được ở phía trước thì thức Côranh lại có thể cảm thụ trong không gian đối xứng nhiều chiều.

Ngoài việc sử dụng và nâng cao các cột của Hy Lạp, kiến trúc Rôma cổ đại còn sáng tạo thêm hai thức cột mới: Toxcan và Cômposit (tổ hợp).

Theo các nhà nghiên cứu, cách thức cột Hy Lạp – Rôma cổ đại nói chung là những kiểu mẫu và chuẩn mực không thể thay đổi, dù chỉ một kích thước rất nhỏ, để tìm kiếm sự hài hòa hơn. Chúng trở thành “cổ điển”, chịu đựng được sự thử thách của thời gian và có vị trí quan trọng trong sáng tạo kiến trúc thế giới sau này, đặc biệt là trong kiến trúc Tây Âu trung đại³.

Bước sang thời trung đại, kiến trúc Rômanh xuất hiện ở Tây Âu và chịu ảnh hưởng lớn của kiến trúc Hy Lạp – Rôma cổ đại. Các công trình theo kiểu kiến trúc này thường mang vẻ thô mộc, cứng nhắc, nặng nề phản ánh trình độ phát triển xã hội và quyền lực tôn giáo bao trùm xã hội về tư tưởng cầm quyền của nó. Trong kiến trúc Rômanh, nhiều loại hình tường được sử dụng, việc dùng các cột cũng không nhất quán. Cột thường có vòng tròn hoặc nhiều cạnh được trang trí đơn giản. Giữa chân cột

và thân cột được trang trí khác nhau. Một số tài liệu còn cho biết: Ở một số công trình kiến trúc lớn, các cột thường có hình cái đầu ngược, được trang trí bằng hoa lá (lá acanthé – phiến thảo diệp) hoặc bằng những hình cuộn vào nhau. Cũng có lúc đầu cột trang trí bằng cảnh người hay thú. Các cột trong kiến trúc Rômanh có nhiệm vụ đỡ vòm mái nhiều hơn là trang trí như trong kiến trúc Rôma cổ đại, đồng thời cũng là nơi làm chuẩn cũng như làm điểm tựa cho các bức tường⁴. Nhiều cột trong kiến trúc Rômanh được xây vào tường và đưa ra một khoảng nhất định.

Nhìn chung, các cột trong kiến trúc Rômanh chưa đạt đến cái đẹp nào hơn so với thời kỳ cổ đại trước đó. Giải thích về điều này các nhà nghiên cứu cho rằng, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do trình độ còn thấp của những người thợ dân gian đương thời và họ lại bị chi phối bởi ảnh hưởng của nhà thờ Thiên Chúa giáo, nên sức sáng tạo đã bị hạn chế⁵.

Mặc dù có hạn chế bởi không đạt được đến “Thức” như trong kiến trúc Hy Lạp – Rôma cổ đại, nhưng các cột trong kiến trúc Rômanh vẫn là một bước tiến lớn so với hệ thống cột gỗ và kết cấu trong thời sơ kỳ trung đại. Phong cách Rômanh đã trở thành một trào lưu kiến trúc sôi động, đặc biệt ở các miền trang miền nông thôn châu Âu. Trong cuốn *Lịch sử kiến trúc*, Đặng Thái

³ Ngô Huy Quỳnh, sđd.

⁴ Xem Lê Phụng Hoàng, 1999, *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.

⁵ Đặng Thái Hoàng, 2000, *Lịch sử kiến trúc*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, tr. 195.

Hoàng cho rằng: Hệ thống cột trong kiến trúc Rô-măng cũng “nói lên phong cách kiến trúc của người đương thời hơi giống và muốn tìm đến chút ít hơi hướng và phong cách Rô-ma”⁶.

Bước sang thế kỷ XII, một phong cách mới được tìm thấy ở các công trình kiến trúc, đó là kiến trúc Gôtich. Phong cách Gôtich thường được thấy trong kiến trúc của các thành thị. Theo kiến trúc Gôtich, hệ thống cột đã dần dần mang vẻ đẹp thể tục, vẻ đẹp cảm tính, mềm mại hơn. So với kiến trúc Rô-măng, các cột trong một công trình kiến trúc Gôtich là hệ thống chịu lực hơn. Cứ bốn cột chịu lực của một vòm, hai trong số đó có thể được xây vào tường, hai ở ngoài. Hình thức trang trí cho các cột không thay đổi nhiều, có thể sử dụng mặt người, hình hoa lá, các hoa văn hình học. Do có sự tiến bộ trong kết cấu vòm, cột trong kiến trúc Gôtich đã cao hơn so với cột trong kiến trúc Rô-măng, những cây cột cao tới vài ba chục mét. Các nghiên cứu cho biết, hệ thống kết cấu, trong đó có các cột tạo cho Nhà Thờ hình dáng thanh mảnh nhưng lại khiến cho con người cảm thấy nhỏ bé trước Chúa và quyền uy của Nhà Thờ⁷.

Tiêu biểu cho kiến trúc Gôtich là các công trình ở Pháp như Nhà thờ Đennit, Cung tổng đốc ở Vonidơ – một công trình kỷ niệm chính trị và thể tục hoàng tráng được xây dựng vào đầu thế kỷ XII. Nhận xét về Cung

tổng đốc Vonidơ, một kiến trúc người Ý cho rằng, công trình đã phản ánh sự vinh quang và hùng vĩ của nước cộng hòa trong toàn bộ lịch sử Vonidơ. Hai mặt đứng của Cung tổng đốc ở Vonidơ có 36 cột lớn đẹp, trên có cuốn đối với tầng một, có 71 cột nhẹ hơn trên cũng có cuốn rất hoa lệ đối với tầng hai, tầng trên cùng là tầng được ốp đá trắng và đá hồng có ba tầng thể hiện một vẻ hài hòa, một nhịp điệu thống nhất mà biến hóa không sao nắm bắt được.

2. Sử dụng nhiều thức cột trong một công trình

Các thức cột Hy Lạp – Rô-ma chỉ thực sự được đánh thức và sử dụng hiệu quả trong kiến trúc Phục Hưng, đặc biệt là thời kỳ Đại Phục Hưng.

Ở Hy Lạp - Rô-ma cổ đại, nhiều công trình xây dựng bằng tường và trụ to lớn, chống đỡ những mái đồ sộ. Cột trở thành hình thức trang trí mặt tường lớn và các nhà công cộng mà ít làm các nhiệm vụ căn bản về xây dựng hơn. Có những công trình, mỗi tầng lại có những thức cột khác nhau. Đơn cử như nhà hát Macxen ở Rô-ma (xây dựng vào khoảng thế kỷ I TCN): thức Đôrich ở tầng một, thức Iônich ở tầng hai, thức Côranh ở tầng ba, tầng bốn áp dụng lối xây cột trụ vuông nhẹ có cạnh nhích ra khỏi tường một khoảng. Như vậy, thức nặng ở dưới cùng và thức nhẹ dần lên trên.

Lối dùng nhiều thức cột ở các tầng khác nhau cũng được áp dụng rộng rãi dưới thời Phục Hưng. Nhằm đảm bảo cho công trình

⁶ Nt.

⁷ Lê Phụng Hoàng, 1999, sdd.

xây dựng được bền vững, các kiến trúc sư Trung đại Tây Âu cũng để những thức cột nặng ở dưới, thức cột nhẹ lên trên. Trang trí trên cột thời Phục Hưng thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại cũng có thể là tạo nên sự trang nghiêm cho công trình kiến trúc. Muốn xây cho tầng nhà (nhất là tầng dưới) có vẻ mạnh mẽ, có khi sự trang trí không dành cột mà chỉ sử dụng ở các tường đá. Những tảng đá thật hay đá giả với kích thước lớn được dùng cho tầng dưới, còn các tầng trên là loại nhỏ hơn. Có thể thấy rõ điều này trong kiến trúc ở lâu đài Mêxidi, Cansêlêria xây dựng đầu thế kỷ XVI tại Rôma. Còn ở lâu đài Ruxenlai (xây dựng thế kỷ XV), thức ở đây là những trang trí bằng cột nhẹ như tầng bốn đấu trường Côlôđê với sự khác nhau ở ba tầng. Mỗi hàng cột này chịu chung một cái dầm. Các học giả cho rằng, lối trang hoàng mặt nhà như vậy còn gọi là lối hàng “thức nhỏ” rất phổ biến trong các thời đại sau ở các nước chịu ảnh hưởng bởi văn hóa Phục Hưng như Pháp, Đức, Hungari, Hà Lan. Điển hình cho kiểu kiến trúc này là lâu đài nhạc viện do Mikenlănggiêlô Buônarôti thiết kế vào thế kỷ XVI, lâu đài Vanmaran ở Visenli do Paladiô vẽ kiểu và xây dựng. Lối dùng thức như vậy người ta gọi là “thức lớn”. Thường thường các kiến trúc sư Phục Hưng dùng cả hai thức lớn nhỏ cho một mặt nhà⁸.

⁸ Đặng Thái Hoàng, 1993, *Kiến trúc và người kiến trúc sư qua các thời đại*, tập 1, NXB Xây dựng, Hà Nội.

Một số công trình kiến trúc Phục Hưng như lâu đài Ruyxenlai, lâu đài Mêxxidi, cung điện Luvorơ đã học tập cách dùng nhiều thức cột để trang trí mặt đứng của công trình nhằm tạo vẻ sinh động, thanh thoát, hài hòa và ấm áp cho công trình.

3. Kiến trúc hàng cột

Trong kiến trúc Hy Lạp - Rôma cổ đại, *kiến trúc hàng cột*⁹ được dùng phổ biến. Các cột không có phần bệ được xếp thành hàng trên một mặt phẳng chung, bên dưới đây hàng cột là các bậc (đền ở Hy Lạp), hoặc là chân cột có thể giống như các bệ cột chung cho tất cả các cột (đền ở Rôma). Khoảng cách giữa các cột thường bằng 1/3 chiều cao của cột. Người cổ đại Hy Lạp – Rôma tính toán rằng, nếu đặt bốn cột thì hai đường ngang chéo qua chân cột và đầu cột cùng với đường trục của hai đầu cột và cuốn tạo thành hình vuông. Những khoảng cách hẹp nhất và rộng nhất đã được thiết kế giữa hai cột để đảm bảo cho vẻ đẹp hài hòa, thanh thoát của chúng.

Tính ổn định và vẻ đẹp hài hòa của các công trình kiến trúc Hy Lạp – Rôma cổ đại đã thuyết phục các nhà kiến trúc sư Phục Hưng. Việc nhấn mạnh chủ nghĩa nhân thể (cái đẹp của con người) trong các công trình này là điều họ đang tìm kiếm để thể hiện trong công trình của mình, đáp ứng khát vọng chung của công chúng trong đêm trường trung cổ. Ở tu viện Xanh Đennit, người ta xây dựng giáo đường bằng cách tạo

⁹ Nhiều cột cùng chống chung một dầm mái.

những dãy cột chắc chắn đối diện nhau từng đôi một. Mỗi nhóm hai cột đối diện chéo nhau sẽ nâng một vòm cung hình ôvan cắt chéo nhau. Cấu trúc này rất chắc chắn: các vòng cung sẽ cân đối ngay tại những điểm giao nhau (cũng là tâm của chúng). Cứ tiếp tục công việc như thế đối với từng nhóm bốn cột, người ta sẽ xây dựng được cả gian chính. Do lực của các vòng cung ôvan đã đè lên các cột nên không cần phải xây tường dày, có thể đục cả cửa sổ cao và lớn hơn hoặc có thể có những khoảng trống và xây dựng những gian bên với các dãy cột khác. Các cột ở đây cao đến hàng chục mét, nâng các thánh đường Gôtic lên cao 30 – 40m.

Trong công trình nhà thờ Xanh Pie, Đônattơ Bramăngtơ (1444 – 1514) đã học tập cách thiết kế kiểu Hy Lạp, nhưng hàng cột ở đây lại được quay tròn quanh dưới vòm mái. Việc áp dụng kiến trúc hàng cột đã mang lại hiệu quả lớn, nó đã tạo cho công trình sự thanh thoát, nhẹ nhàng và lịch lãm. Tiếp theo, hàng cột thức đã được nhà kiến trúc Mikenlănggiêlô cho thêm ở phần tiền sảnh và lối vào của nhà thờ Xanh Pie. Các học giả có đánh giá cao về hàng cột ở kiến trúc cổ được vận dụng trong việc xây dựng nhà thờ Xanh Pie, bởi những yếu tố này đã góp phần không nhỏ tạo nên thành công rực rỡ của các kiến trúc, đưa đến sự bất tử của các công trình¹⁰.

Trong kiến trúc Phục Hưng, từ những công trình có qui mô nhỏ đến những công trình lớn đều không làm người ta cảm thấy nặng nề (như nhà thờ Xănta Maria...). Nhận xét về điều này, Đặng Thái Hoàng trong cuốn *Kiến trúc và người kiến trúc sư qua các thời đại* cho rằng, các công trình Phục Hưng giống kiến trúc Hy Lạp ở chỗ “cao nhưng nắm bắt cả chiều rộng, đồng thời lại không lẫn át con người”¹¹. Các công trình kiến trúc thời Phục Hưng luôn được đánh giá là những “tác phẩm trong sáng và thuần khiết”. Những không gian tuy rộng nhưng không quá xa rời ở các kiến trúc thời kỳ này đã tạo cảm giác tĩnh tại và ổn định đối với mỗi người khi chiêm ngưỡng nó. Các nhà nghiên cứu đã rất có lý khi cho rằng, ấn tượng về những công trình kiến trúc được tạo ra ở con người không chỉ nằm ở hình thức bề ngoài hay tầm vóc của chúng, mà sâu xa hơn, là nguồn gốc của hình dáng hay tầm vóc đó chính là vẻ đẹp hệ thống kết cấu của mỗi công trình¹².

II. Mái vòm

Các kiến trúc sư cho rằng, kết cấu mái vòm có vai trò quan trọng trong việc tạo cho công trình những dáng vẻ và không gian khác nhau, quyết định vẻ đẹp và sự bền vững của nó. Trong kiến trúc Rôma, mái vòm được chia thành ba loại chính: Vòm nửa trụ, có dạng ống với hình thức nửa tròn; Vòm giao thoa, còn gọi là vòm khía (về hai nửa vòm ở phần giao nhau có khía); và Vòm bán

¹⁰ Đặng Thái Hoàng, 1993, *Kiến trúc và người kiến trúc sư qua các thời đại*, sđd.

¹¹ Nt, tr. 108

¹² Ph. Sêribóc, 1997, *Xây dựng xưa và nay*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

cầu (Cupôn). Việc chống đỡ chiếc vòm nặng như thế khiến nhà thờ Rôma cổ đại chỉ có thể xây thấp.

Đền Păngtêông trong kiến trúc Rôma cổ đại với những ô vuông được chia trên nóc vòm (ketxông) với những băng ngang vòng quanh dưới đây tạo nên một khung cảnh bất thường và một không khí phiêu lãng. Kết cấu vòm của người Rôma cổ đại được kiến trúc Rômăng tiếp thu và cải tiến, đến kiến trúc Gôtich, kiểu kết cấu vòm được phát triển một bậc và ở tầm cao mới với kỹ thuật xây dựng và qui mô hơn hẳn các kiến trúc trước kia. Kiểu mái vòm Rôma cổ đại được các kiến trúc sư Phục Hưng đưa vào sử dụng trên cơ sở kết hợp với những tiến bộ về kỹ thuật xây dựng để tạo ra những vòm mái khổng lồ. “Kiến trúc văn nghệ Phục Hưng vẫn sử dụng đại trà các hình thức kiến trúc cổ đại Hy Lạp và Rôma nhưng sắp xếp bố cục hết sức thuần khiết”¹³.

Sự ra đời của phong cách Rômăng thế kỷ X khiến cho kiến trúc Tây Âu tiến lên một bước mới. Các kết cấu vòm được sử dụng và phát triển đáp ứng yêu cầu của Nhà Thờ về quy mô khi mà số tín đồ đang ngày càng tăng lên. Đá là chất liệu chính dùng cho các công trình kiến trúc Rômăng và vòm được uốn theo hình bán nguyệt. Vòm đá trong kiến trúc Tây Âu trung đại được dùng để đỡ bộ sườn cũng được làm bằng đá, sau đó được xây dài ra tạo một vòm hình bán nguyệt liên tục cho trần nhà thờ. Hai bức

tường song song trên đó người ta đặt các viên đá chồng lên nhau tạo hình vòm cung sao cho cuối cùng chúng gặp nhau để tạo thành hình bán nguyệt. (Về vấn đề này có thể tìm đọc thêm cuốn *Lịch sử kiến trúc* của Đặng Thái Hoàng).

Trong kiến trúc Rômăng, hai bên vòm được xây dựng theo hình xương cá. Để chịu được sức ép của mái vòm, đồng thời nâng cao được nhà thờ và làm cho nó trở nên vững chắc, các nhà xây dựng Phục Hưng đã bỏ nhiều công sức để cải thiện nóc vòm. Các bức tường được nối rộng ra bằng cách gia cố chúng với các cột. Toàn bộ mái vòm sẽ dựa trên những dãy cột. Ở bên ngoài, xây dựng thêm các tường ốp bằng gạch thật chắc. Nhà thờ Knéchsotêden thế kỷ XII là một điển hình cho hệ thống kết cấu vòm Rômăng. Nhà thờ ở Tuludơ (Pháp) là công trình theo phong cách Rômăng duy nhất còn giữ được phần kiến trúc ban đầu của nó.

Tuy nhiên, trong kiến trúc Rômăng, hệ thống kết cấu với cột và đặc biệt là vòm mái còn chưa đạt tới phương án tối ưu. Vòm mái dày và nặng (có vòm dày đến 60 cm) nên tốn kém vật liệu xây dựng. Ánh sáng chiếu một cách gián tiếp bởi các cửa sổ của hai gian bên hoặc từ phía cửa sổ của gian chính vẫn không đủ cho các buổi cầu nguyện, không phù hợp với không khí của những thành thị mới được giải phóng sau này.

Kiến trúc Gôtich ra đời ở giai đoạn sau đã có những giải pháp mới tiến bộ hơn về kết cấu vòm. Thế kỷ XII, các nhà xây dựng vùng

¹³ Xem chú thích 11.

Noocmãngđơ (Pháp) đã tìm cách gia cố phần xương cá bằng hai vòm cung giao thoa nhau. Theo các nhà nghiên cứu, đó là các gân cung giao nhau phát hiện có ý nghĩa khai sinh kiến trúc Gôtich¹⁴. Việc xây dựng các trụ góc có tác dụng giảm bớt sức ép mà vòm bán nguyệt đè lên các bức tường.

Trong các thánh đường, yếu tố ánh sáng rất được coi trọng. Những tín đồ Thiên Chúa giáo tin rằng, ánh sáng dẫn dắt tâm linh con người đến với Chúa một cách tự nhiên. Và người đầu tiên phát hiện ra vai trò của những gân cung giao nhau trong việc biến nhà thờ thành một chốn sáng sủa với không gian khoáng đãng, cao ráo là tu viện trưởng Sugơ (1081 – 1151) của tu viện Xanh Đennit. Kết cấu vòm đã tạo cho kiến trúc nhà thờ những không gian rộng rãi, khoáng đạt và ngập tràn ánh sáng cùng lung linh những sắc màu được phản chiếu qua các lớp kính nhiều màu đặt trên đó. Thánh đường mang phong cách Gôtich được miêu tả rất thanh lịch với không khí trang trọng bởi âm thanh của các đại hồ cầm. Chính vì thế, có ý kiến cho rằng hệ thống kết cấu Gôtich là một trong những sáng tạo đặc biệt nhất, khiến cho công trình kiến trúc mang vẻ ưu việt và vẻ đẹp đặc biệt mà trước đó các hệ thống kết cấu, kể cả những nền kiến trúc phát triển cao như Rôma cổ đại, chưa đạt được¹⁵.

Các vòm Gôtich được chia ra làm nhiều loại khác nhau: vòm 4 múi, 6 múi, nhiều

múi. Tất cả các loại vòm trong kiến trúc Gôtich đã tiết kiệm được nhiều vật liệu cho vòm, chiều dày của vòm chỉ còn khoảng 25 – 30cm. Hình mắt lưới được tạo nên trên trần các nhà thờ là tượng trưng cho bầu trời đầy sao, đã chấp cánh cho cảm giác bay bổng, lãng mạn của con người. Các học giả cho rằng, đây là một bước tiến lớn đối với con người thời trung đại trong kiến trúc.

Kết cấu mái vòm trong kiến trúc Gôtich đã thuyết phục nhiều kiến trúc sư. Nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng ở các nước châu Âu đương thời theo được xây dựng phong cách này. Tại Pháp, người ta sẽ nhắc đến: nhà thờ Nôtơơ đăm đơ Pari, nhà thờ Remxơ – biểu tượng rực rỡ của tinh thần thời đại, nơi đăng quang của nhà vua Pháp, nhà thờ lớn nhất nước Pháp Amimăng. Còn ở Đức là nhà thờ Cômônơ...

Bước sang thời hậu kỳ (TK XV – TK XVI) khi *“những bản thảo chép tay tìm thấy từ trong diệt vong của Bidăntin, những điêu khắc cổ đại khai quật lên từ những hoang phế của Rôma, trước mặt của phương Tây đang kinh ngạc bày ra một thế giới mới của cổ đại, Hy Lạp, trước hình tượng huy hoàng của nó, nỗi u buồn của trung thế kỷ biến mất. Italia xuất hiện sự phồn vinh nghệ thuật chưa từng có giống sự tái hiện thời kỳ cổ đại cổ điển mà sau đó sẽ không thể đạt đến nữa”* (Ph. Ăngghen trong *“Biện chứng và tự nhiên”*) thì thời hậu kỳ trung đại (thế kỷ XV – XVI), kiến trúc Phục Hưng ra đời và trở thành một

¹⁴ Đặng Thái Hoàng, 2000, *Lịch sử kiến trúc*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

¹⁵ Nt, tr. 217.

trong những trang huy hoàng nhất của lịch sử kiến trúc thế giới.

Trong *Biện chứng và tự nhiên*, Ăngghen cho rằng vẻ đẹp tráng lệ của kiến trúc Phục Hưng khiến “nỗi u buồn của trung thế kỷ biến mất”¹⁶. Ngoài việc sử dụng các loại vật liệu đá, gạch rộng rãi, đặc biệt dùng vữa để liên kết, có gạch thông tâm, gạch men sứ, gạch lưu li, dùng sắt trong kết cấu chịu lực, đồng, đồng lá để trang trí thì về mặt kết cấu đã dung hợp được những thành tựu kỹ thuật của các nền kiến trúc Rôma cổ đại, Bixăngtinh và Hồi giáo Ả-rập, đưa chúng lên một trình độ khá cao với những vòm hình bán cầu hiếm thấy trong lịch sử.

Tiêu biểu cho việc học tập kiểu vòm Rôma cổ đại một cách sáng tạo trong phương án của kiến trúc sư Phục Hưng được thực hiện trong quá trình xây dựng nhà thờ Xanh Pie ở Rôma trong suốt gần một thế kỷ (cuối thế kỷ XV – đầu thế kỷ XVI). Nhà thờ Xanh Pie là nhà thờ rộng lớn nhất thế giới có nguồn gốc từ một công trình Basilica cũ có từ thời Côngxtăngtinh. Tương truyền nó được đặt trên ngôi mộ của thánh Phêrô (Xanh Pie), người đệ tử số một của đạo Cơ Đốc, người khởi sáng ra giáo khu Rôma, bậc tiền bối của tất cả các giáo hoàng.

Nhiều thế hệ kiến trúc sư nổi tiếng nhất của thời Phục Hưng đã được huy động để thiết kế và thi công nhà thờ như Bramăngtơ, Raphaen, Pêrudi, Antônô đơ Xăng Ganlô

con và Mikenlănggiêlô. Nhiều phương án được đưa ra, nhưng thành công nhất vẫn là phương án của kỹ sư Bramăngtơ. Trong nửa thế kỷ thi công, một số chi tiết đã bị thay đổi do những cuộc đấu tranh xã hội đương thời giữa các giai cấp với Giáo hoàng Rôma ở Italia, trong đó có cả cuộc đấu tranh nghệ thuật tôn giáo. Chỉ đến thế kỷ XVI, Mikenlănggiêlô Buônarôti được chỉ định tiếp tục công trình thì phương án của Bramăngtơ mới được thực hiện hầu như nguyên vẹn, chỉ trừ một số chi tiết ở mặt đứng và tiền sảnh của công trình.

Mikenlănggiêlô đã dành nhiều công sức nghiên cứu vòm chính đồ sộ - thành phần quan trọng nhất xác định toàn bộ phong cách nhà thờ Xanh Pie. Chiếc vòm mái có một không hai trong lịch sử kiến trúc này cuối cùng đã được đặt thành công lên mái của nhà thờ Xanh Pie với đường kính 41,9m, cao 52m (tính từ nền công trình lên đỉnh vòm là 137,8m). Nghiên cứu của Đặng Thái Hoàng cho biết: Mặc dù đường kính vòm chưa vượt qua kích thước kiến trúc cổ đại, nhưng chiều cao của nó thì vượt hẳn gần 10m, là một nỗ lực lớn của kiến trúc sư nhằm tạo cho công trình vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng. Đỉnh vòm trở những ô để đưa ánh sáng vào với tiến bộ của kỹ thuật xây dựng mới, những ô này nhiều hơn hẳn số ô ở đền Păngtêông cổ đại. Với hai lớp vỏ để làm cho mặt ngoài vòm có độ dốc thoải hơn, mái vòm nhà thờ như được kéo căng ra bởi một lực vận động mãnh liệt nội tại. Ấn tượng này càng hoàn chỉnh do có thêm hệ thống sống đứng của nóc vòm, nơi

¹⁶ Dẫn theo Đặng Thái Hoàng, 1993, *Kiến trúc và người kiến trúc qua các thời đại*, sđd, tr. 108.

có tháp đèn cao chót vót. Kiến trúc sư Giulio Caccini Acgan cho rằng: *“Mái vòm này đã hòa nhập làm một với cả tòa nhà, tạo thành biểu tượng về cái đầu của thế giới Cơ Đốc giáo và của cả vòm trời bao trùm một cách lý tưởng toàn bộ trái đất”*. Chiếc vòm mái đồ sộ đã khiến cho tên tuổi của tác giả trở thành bất tử, đó cũng là minh chứng cho sự “kinh điển” của phong cách Rôma trong kiến trúc cổ đại ảnh hưởng tới kiến trúc Phục Hưng thời trung đại¹⁷.

Một tiêu biểu cho kiến trúc mái vòm là nhà thờ Xăngta Maria dơ Phlôri ở Phlorăngxơ được xây dựng từ thế kỷ XIV – XV. Nhận xét về công trình, nhiều ý kiến cho rằng, kiến trúc này *“chứa đựng trong nó niềm tự hào dân tộc của người Italia, nói lên sự phục hồi nền văn hóa truyền thống bị đứt đoạn từ thời Rôma cổ đại”*¹⁸. Qua nhiều khó khăn, cuối cùng sau 50 năm, chiếc vòm tới 42m đã được phủ lên mái của nhà thờ cao 60m (bằng ngôi nhà 20 tầng hiện đại) theo phươg án của Brunêlexky (1377 – 1446). Chiếc vòm mái đã được các kiến trúc sư đương thời đánh giá cao. Theo như kiến trúc sư Anbiecti, chiếc vòm mái đã đem lại cho tác giả của nó sự vinh quang vĩnh cửu với danh hiệu “nhà sáng chế và lãnh đạo xây dựng chiếc vòm mái lớn nhất”, thể hiện “sự vĩ đại của nhân dân Tôxcan”. Còn các nhà nghiên cứu thì khẳng định, sự kiện hoàn

thành nó cũng đánh dấu sự thắng lợi của trào lưu kiến trúc Phục Hưng châu Âu.

III. Bệ nhà

Ở một số công trình kiến trúc cổ Rôma, bệ nhà là một bức tường cao, bên trên có mặt đứng, phía dưới có đế nhỏ. Ở Nimơ (Pháp) có một tòa nhà được xây dựng từ cuối thế kỷ I TCN – một công trình *“đạt tới sự hài hòa tuyệt vời về sự quân bình của các tỷ lệ và chất lượng của việc thực hiện”*¹⁹. Trong những bệ nhà cao, người ta cũng thấy xuất hiện các thức như đối với cột, gồm các phần đế, thân và mặt đứng.

Kiến trúc Phục Hưng cũng được tiến hành xây dựng trên các bệ. Các bệ có thể chiếm cả một tầng hoặc mô phỏng theo thiết kế của kiến trúc Hy Lạp – Rôma cổ đại. Khi bệ chiếm tầng hầm nhà phải đặt cửa sổ rộng để có nhiều ánh sáng. Tác giả cuốn *Mỹ thuật Hy Lạp – La Mã, Qui pháp tạo hình và phong cách* cho biết: Một số nhà xây dựng hồi đầu thời Phục Hưng ở Bắc Ý có nền nhà đặc biệt đưa ra 1, 2 bậc như hình ghế đá chạy suốt chiều dài nhà. Lâu đài Mêxidi do kiến trúc sư Mikenlôđô Mikelodidi Bactôlômêô (1397 – 1473) xây dựng, lâu đài nhạc viện do Mikenlănggiêlô hay điện Luvơơ ở Pháp do kiến trúc sư Pie Lêscô thiết kế là những ví dụ điển hình cho các xây dựng này²⁰.

¹⁷ Đọc thêm *Tìm hiểu Mỹ thuật cổ đại, Trung cổ, Phục hưng*, 1964, NXB Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.

¹⁸ Đặng Thái Hoàng, 1993, *Kiến trúc và người kiến trúc sư qua các thời đại*, sđd, tr. 109.

¹⁹ Xem tranh và trích dẫn trong Huỳnh Ngọc Trảng, Phạm Thiều Hương dịch, 1996, *Mỹ thuật Hy Lạp – La Mã, Qui pháp tạo hình và phong cách*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 199.

²⁰ Huỳnh Ngọc Trảng, Phạm Thiều Hương dịch, 1996, *Mỹ thuật Hy Lạp – La Mã, Qui pháp tạo hình và phong cách*, sđd.

IV. Trang trí tường

Trong kiến trúc Hy Lạp - Rôma cổ đại có đặt các hàng đá to ở phía dưới, các hàng đá nhỏ phía trên hay dùng cả lối mặt tường lõm thô sơ để trang trí nhằm tạo cho công trình có vẻ mạnh mẽ. Điều này cũng có trong phong cách Phục Hưng. Những kiến trúc sư thời Phục Hưng đã tiếp thu kiểu trang trí cổ Hy Lạp – Rôma, bằng cách dùng lối đá nổi nhằm tiết kiệm chi phí và công sức chế tạo vật liệu. Đá nổi có thể dùng cho suốt mặt tường hoặc chỉ dùng cho tầng gác dưới như ở lâu đài Mêxidi (tầng 1). Kiểu trang trí này khá phổ biến ở Phlorăngxơ trong thời kỳ đầu thời kỳ Phục Hưng nên còn gọi là kiểu Phlorăngxơ. Trong kiến trúc Phục Hưng, người ta sử dụng mặt đá to, nổi nhiều ở tầng dưới, còn ở tầng trên thì đá nhỏ dần, ít nổi hơn. Ở cùng một tầng, không phải hàng đá nào cũng cao bằng nhau vì đó là điều khó và không cần thiết khi xây dựng. Có thể thấy kiến trúc này ở lâu đài Pitti, Ricacdi.

Ngoài ra còn có lối trang trí mặt tường bằng những phiến đá nổi chìm kim cương như Lâu đài Kim Cương ở Italia²¹. Sau này, vào thời đại Phục Hưng, xuất hiện thêm kiểu trang trí bằng đá hoa nhiều màu sắc khác nhau như những tác phẩm tuyệt mỹ về trang trí mặt tường bằng đá hoa nhiều màu trong kiến trúc cổ (vốn chịu ảnh hưởng của nghệ thuật Ixlam). Tác giả Ngô Huy Quỳnh trong *Hình thức kiến trúc cổ điển thế giới* cho biết:

Những tấm đá hoa để cạnh nhau theo nhiều mô típ khác nhau trên các bức tường nhà thời Phục Hưng giống như những tấm Panô rất đẹp²². Lối trang trí này có thể dùng ở cả mặt tường ngoài cũng như mặt tường trong nhà nhưng nhiều hơn ở mặt trong.

Trong kiến trúc cổ đại, những nhà một tầng thường không chia mặt tường ra các phần. Tuy nhiên, điều này không diễn ra đối với kiến trúc những nhà nhiều tầng. Các tầng được đánh dấu bằng những đường ngang.

Sang thời Phục Hưng, các nhà kiến trúc Italia đã chia mặt tường trong công trình của mình thành nhiều phần tương ứng với số tầng bởi các tường ngang ở mặt tường ngoài. Để tránh đơn điệu, các mặt tường được mài nhẵn, không chia hoặc có thể chia ra thành nhiều hàng ngang nhỏ không tương ứng với sàn của các tầng gác.

Có thể thấy kiến trúc Phục Hưng đã kế thừa và phát triển những thành tựu của kiến trúc Hy Lạp – Rôma cổ đại. Trong hoàn cảnh mới, dựa trên những cơ sở kinh tế - xã hội với tư tưởng tiến bộ (chủ nghĩa nhân bản, chủ nghĩa tự do), các kiến trúc sư đã đưa công trình của mình tiến tới đỉnh cao của kiến trúc Tây Âu trung đại. Nhờ vậy, kiến trúc Phục Hưng đã trở thành phong cách “Cổ điển”, là mẫu mực và tiêu chuẩn mới cho kiến trúc châu Âu nói riêng và kiến trúc thế giới nói chung.

²¹ Xem phụ lục Ngô Huy Quỳnh, 1997, *Hình thức kiến trúc cổ điển thế giới*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

²² Ngô Huy Quỳnh, sđd.